ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1836 /QĐ-UBND	*Thái Bình, ngày 12 tháng 8 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh danh mục và khối lượng xi măng hỗ trợ các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1, công trình phụ trợ cho các xã thuộc huyện Quỳnh Phụ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 09/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2011-2015; số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới ban hành kèm theo Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 19/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 sửa đổi một số nội dung của Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 07/02/2013;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 278/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 về việc phê duyệt Kế hoạch phân bổ xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới cho các công trình nhóm 1 (từ ngày 05/02/2014 đến ngày 28/02/2014); số 647/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 về việc phê duyệt khối lượng xi măng hỗ trợ xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1 cho các xã thuộc các huyện, thành phố; số 1411/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 về việc bổ sung một số nội dung về chủ trương hỗ trợ xi măng xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới tỉnh Thái Bình, năm 2014;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh tại Tờ trình số 55/TTr-VPĐP ngày 07/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh danh mục và khối lượng xi măng hỗ trợ các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn mới đối với các công trình nhóm 1, công trình phụ trợ cho các xã thuộc huyện Quỳnh Phụ, như sau:

- Khối lượng xi măng điều chỉnh giảm: 564,1 tấn (01 xã);
- Khối lượng xi măng điều chỉnh tăng: 601,8 tấn (03 xã),

(Có Phụ lục: 1, 2A, 2B chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, các cấp, các sở, ngành, đơn vị có trách nhiệm:

- Sở Thông tin và Truyền thông thông báo danh mục và khối lượng xi măng điều chỉnh (tăng hoặc giảm) của các xã thuộc huyện Quỳnh Phụ trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này;

- Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ và doanh nghiệp cung ứng xi măng tổ chức giao, nhận xi măng cho các xã theo quyết định được duyệt;

- Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ và Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1: Thực hiện tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ, quản lý đầu tư xây dựng công trình đảm bảo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chánh Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ; Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có tên tại Điều 1; Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới (Sở Nông nghiệp và PTNT);
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NN, KHTC, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục 1: KHỐI LƯỢNG XI MĂNG ĐIỀU CHỈNH CỦA CÁC XÃ THUỘC HUYỆN QUỲNH PHỤ

(Kèm theo Quyết định số 1836 /QĐ-UBND ngày 12 /8/2014 của UBND tỉnh).

STT	Huyện/xã	Khối lượng xi măng điều chỉnh (tấn)	
		Giảm	Tăng
I	**Quỳnh Phụ (03 xã)**	**564,1**	**601,8**
1	An Mỹ	564,1	440,3
2	An Ninh		134,5
3	Quỳnh Hưng		27,0

Phụ lục 2A:
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH GIẢM LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ, HUYỆN QUỲNH PHỤ
(Kèm theo Quyết định số 1836 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Số Quyết định đã phê duyệt	Điều chỉnh giảm		
			Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (01 xã)				**564,1**
1	**Xã An Mỹ**				**564,1**
*	**Đường giao thông trục thôn**				**214,7**
	Bm 3,5m		***481***	***Bm 3,5m; BT M200; dày 16cm***	***94,3***
	Đoạn từ nhà ông Hàn đến nhà ông Lan	QĐ 278	481		94,3
	Bm 3,0m		***717***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 16cm***	***120,4***
	ĐT4 (anh Nguyễn - anh Hợp X3)	QĐ 647	172		28,9
	ĐT5 (anh Nguyễn - ông Lục) X2	QĐ 647	65		10,9
	ĐT26 (Bà Ninh - anh Quyết)	QĐ 647	480		80,6
*	**Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn**				**349,4**
	Bm 3,0m		***55***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	***8,1***
	Từ ĐT6 - anh Duyn X2	QĐ 647	55		8,1
	Bm 2,5m		***2.773***	***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm***	***341,3***
	Từ anh Tài xóm 5 đến anh Toàn (ĐH 72)	QĐ 278	430		52,9
	Đoạn từ nhà ông Châu đến nhà ông Vụ	QĐ 278	250		30,8
	Từ ĐH72 - ông Quang X3	QĐ 647	148		18,2
	Từ ĐT12 - lầu bà Hoàn	QĐ 647	52		6,4
	Từ ĐT12 - bà Viễn	QĐ 647	25		3,1
	Từ ĐT11 - anh Sứng	QĐ 647	35		4,3
	Từ ĐT15 - Công Lý Phó	QĐ 647	75		9,2
	Từ ĐT16 - anh Đán	QĐ 647	110		13,5
	Từ ĐX4 - anh Công	QĐ 647	72		8,9
	Từ ĐT12 - anh Anh	QĐ 647	72		8,9
	Từ nhà ông Quang - ông Thi	QĐ 647	142		17,5
	Từ nhà ông Tiên - ông Khang	QĐ 647	100		12,3
	Từ nhà bà Ngam - ông Thạc	QĐ 647	306		37,6
	Từ nhà ông Lài - ông Hải	QĐ 647	110		13,5
	Từ nhà ông Chi - anh Hận	QĐ 647	92		11,3

STT	Danh mục công trình	Số Quyết định đã phê duyệt	Điều chỉnh giảm		
			Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Từ nhà ông Phú X14 - anh Lượng	QĐ 647	170		20,9
	Từ nhà ông Thơm - anh Nguyên	QĐ 647	55		6,8
	Từ nhà ông Đào - ông Oai xóm 14	QĐ 647	65		8,0
	Từ ĐH72 - nhà bà Liên	QĐ 647	59		7,3
	Từ ĐH72 - ông Quang xóm 3	QĐ 647	17		2,1
	Từ ĐH72 - nhà ông Hoan	QĐ 647	28		3,4
	Từ nhà anh Điều - anh Thêu	QĐ 647	150		18,5
	Từ nhà ông Dịch - ông Phiêu xóm 16	QĐ 647	150		18,5
	Từ ĐT 6 - bà Nguyện xóm 2	QĐ 647	60		7,4

Phụ lục 2B:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH TĂNG LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ, HUYỆN QUỲNH PHỤ

(Kèm theo Quyết định số 1836 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Điều chỉnh tăng		
		Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (03 xã)			**601,8**
1	**Xã An Mỹ**			**440,3**
*	**Đường giao thông trục thôn**			**195,6**
	Bm 3,5m	***448***	***Bm 3,5m; BT M200; dày 16cm***	***87,8***
	Đoạn từ nhà ông Hàn đến nhà ông Lan	448		87,8
	Bm 3,0m	***642***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 16cm***	***107,8***
	ĐT4 (anh Nguyễn - anh Hợp X3)	153		25,7
	ĐT5 (anh Nguyễn - ông Lục) X2	58		9,7
	ĐT26 (Bà Ninh - anh Quyết)	431		72,4
*	**Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn**			**244,7**
	Bm 3,0m	***50***	***Bm 3,0m; BT M200; dày 14cm***	***7,4***
	Từ ĐT6 - anh Duyn X2	50		7,4
	Bm 2,5m	***1928***	***Bm 2,5m; BT M200; dày 14cm***	***237,3***
	Từ nhà anh Tài xóm 5 đến nhà anh Toàn (ĐH 72)	340		41,8
	Từ nhà anh Diễn đến nhà bà Lượt	68		8,4
	Từ ĐH72 - ông Quang X3	163		20,0
	Từ nhà ông Tiên - ông Khang	110		13,5
	Từ nhà ông Phú X14 - anh Lượng	220		27,1
	Đoạn từ nhà ông Châu đến nhà ông Vụ	231		28,4
	Từ ĐT12 - anh Anh	50		6,2
	Từ nhà ông Quang - ông Thi	133		16,4
	Từ nhà bà Ngam - ông Thạc	231		28,4
	Từ nhà ông Lài - ông Hải	100		12,3
	Từ nhà ông Chi - anh Hận	57		7,0
	Từ ĐH72 - nhà bà Liên	50		6,2
	Từ nhà anh Điều - anh Thêu	125		15,4
	Từ ĐT 6 - bà Nguyện X 2	50		6,2

STT	Danh mục công trình	Điều chỉnh tăng		
		Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
2	**Xã An Ninh**			**134,5**
	Xây rãnh thoát nước và tường chắn sân thể thao thôn Dục Linh I			20,2
	Xây rãnh thoát nước và tường chắn sân thể thao thôn Dục Linh II			19,3
	Xây rãnh thoát nước và tường chắn sân thể thao thôn Năm Thành			17,1
	Xây rãnh thoát nước và tường chắn sân thể thao thôn Vạn Phúc			20,6
	Xây rãnh thoát nước và tường chắn sân thể thao thôn An Ninh			18,8
	Xây rãnh thoát nước và tường chắn sân thể thao thôn Kiến Quan			21,0
	Xây rãnh thoát nước và tường chắn sân thể thao thôn Lường Cả			17,5
3	**Xã Quỳnh Hưng**			**27,0**
	Đổ bê tông sân sau UBND xã			8,2
	Đổ bê tông sân trạm y tế xã			7,6
	Đổ bê tông sân trường THCS Bảo Hưng			11,2

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
12/08/2014 09:23:19